

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 8 - 2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*“ V/v tranh chấp:
ly hôn, nuôi con ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Hồ Thị Phượng và ông Nguyễn Văn Dũng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Như Thuận, Thư ký Toà án Nhân dân huyện Phong Điền.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế :
Ông Kiều Anh Mỹ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018; về việc “Tranh chấp Ly hôn và giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 02/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Kim A, sinh ngày: 10/8/1985; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có mặt).

Bị đơn: Anh Hồ Tá B, sinh ngày: 01/10/1986; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 15/3/2018 và trong bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị Kim A trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim A và anh Hồ Tá B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2011 tại UBND xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau ở nhà của bố mẹ chồng ở tại thôn N, xã Đ vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 3/2017, chị A phát hiện anh B có quan hệ tình cảm với người khác và sử dụng tiền

bạc thiếu minh bạch, chị A cùng hai bên gia đình nhiều lần khuyên can mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh B ngày càng bỏ bê gia đình, vợ con và không còn quan tâm chăm sóc gia đình, vì vậy vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 và hiện nay chị A cũng không còn tình cảm với anh B nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con là cháu Hồ Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/12/2012 và Hồ Diệp Bảo N, sinh ngày 01/12/2017. Hiện cả hai cháu đều còn nhỏ và đang ở với chị A, nên chị đề nghị được nuôi cả hai người con, đồng thời yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hồ Tá B, sau khi Tòa án thụ lý và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án, cụ thể vào các ngày 20/4/2018; 04/6/2018 Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B hợp lệ, nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Hồ Tá B ngày 02/7/2018 tại UBND xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, anh B cũng thừa nhận về việc kết hôn như chị A trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh B thừa nhận vào cuối năm 2016 do có quan hệ tình cảm với người khác và thiếu sự quan tâm đến gia đình vợ con, trình trạng hôn nhân của vợ chồng cũng ngày càng lạnh nhạt, nay chị A có đơn yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung anh B công nhận vợ chồng có 02 người con là cháu Hồ Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/12/2012 và Hồ Diệp Bảo N, sinh ngày 01/12/2017, nếu ly hôn anh B cũng tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung anh B khai nhận, quá trình hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 18/7/2018 Tòa án cũng đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 02/7/2018 và giấy triệu tập số 914/GTT-TA ngày 03/7/2018 để tham gia phiên tòa cho anh B, nhưng anh B không đến phiên tòa; Tòa án đã tiếp tục tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian xét xử nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim A đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Hồ Tá B không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn anh Hồ Tá B. Đồng thời tiếp tục giao 02 người con là cháu Hồ Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/12/2012 và Hồ Diệp Bảo N, sinh ngày 01/12/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2018, đồng thời buộc anh B có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Kim A và anh Hồ Tá B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 29/11/2011. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, mặc dù anh B đã ký nhận nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị A, thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau ở nhà của bố mẹ chồng ở tại thôn N, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 3/2017, chị A phát hiện anh B có quan hệ tình cảm với người khác và sử dụng tiền bạc thiếu minh bạch, chị A cùng hai bên gia đình nhiều lần khuyên can mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh B ngày càng bỏ bê gia đình, vợ con và không còn quan tâm chăm sóc gia đình, vì vậy vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu

ngày nên chị A yêu cầu được ly hôn anh B. Phía anh Hồ Tá B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa hai người. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị A và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân chị A và anh B có 02 người con là cháu Hồ Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/12/2012 và Hồ Diệp Bảo N, sinh ngày 01/12/2017. Hiện cả hai cháu đều còn nhỏ và đang ở với chị A và được chị A chăm sóc nuôi dưỡng tốt, nên giao cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai người con cho đến khi cả hai con tròn 18 tuổi, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cháu và căn cứ vào yêu cầu của chị A về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp thực tế. Buộc anh Hồ Tá B đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim A phải chịu án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Hồ Tá B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim A, cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Hồ Tá B.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Kim A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con là: Hồ Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/12/2012 và Hồ Diệp Bảo N, sinh ngày 01/12/2017 cho đến khi cả hai con tròn 18 tuổi.

Buộc anh Hồ Tá B đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Lê Thị Kim A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003447 ngày 27/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Hồ Tá B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt